

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc Phê duyệt Đồ án Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500  
trung tâm xã Long Hiệp, huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh**

**ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ CÚ**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20/11/2018

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/05/2015 của Chính Phủ Quy định một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 20/2019/TT-BXD ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Bộ Xây dựng về hướng dẫn xác định, quản lý chi phí quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị;

Căn cứ Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn;

Căn cứ Quyết định 1306/QĐ-UBND ngày 13/7/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh về việc ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới và Bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao trên địa bàn tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2021 – 2025;

Căn cứ Quyết định số 4378/QĐ-UBND ngày 09 tháng 11 năm 2020 của Ủy ban nhân dân huyện Trà Cú về việc phê duyệt Đồ án quy hoạch chung xây dựng xã Long Hiệp, huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh;

Căn cứ Quyết định số 1322/QĐ-UBND ngày 15 tháng 5 năm 2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Trà Cú về việc phê duyệt Nhiệm vụ quy hoạch chi tiết xây dựng TL1/500 Trung tâm xã Long Hiệp, huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh;

*Căn cứ Công văn số 1415/SXD-QHKT&PTĐT ngày 25 tháng 9 năm 2023 của Sở Xây dựng tỉnh Trà Vinh về việc góp ý đồ án quy hoạch chi tiết trung tâm xã Long Hiệp, huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh;*

*Căn cứ Công văn số 1367/UBND-KTHT ngày 15/11/2022 của Ủy ban nhân dân huyện Trà Cú về việc lập quy hoạch chi tiết 1/500 Trung tâm xã Đại An, Long Hiệp, Tập Sơn và Long Hiệp, huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh.*

Xét Tờ trình số 83/TTr-UBND ngày 29/9/2023 của Ủy ban nhân dân xã Long Hiệp và Báo cáo số 19/BC-HĐQH ngày 31/8/2023 của Hội đồng thẩm định quy hoạch xây dựng huyện Trà Cú,

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt Đồ án Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 trung tâm xã Long Hiệp, huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh, với các nội dung chính như sau:

### **1. Lý do và sự cần thiết lập quy hoạch:**

Xã cần có quy hoạch chi tiết xây dựng khu trung tâm, nhằm làm cơ sở tổ chức, sắp xếp, không gian, kiến trúc cảnh quan, điểm dân cư trung tâm xã. Đồng thời làm cơ sở, có hiệu quả sử dụng đất, các công trình hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, vệ sinh môi trường khu vực trung tâm xã. Tạo điều kiện thúc đẩy phát triển sản xuất, tăng thu nhập của người dân. Làm cho diện mạo nông thôn ngày càng thay đổi, đảm bảo mỹ quan, môi trường sạch đẹp, nhằm nâng cao hơn nữa đời sống vật chất và tinh thần của người dân trên địa bàn xã. Từ những vấn đề trên việc lập quy hoạch chi tiết xây dựng khu trung tâm xã Long Hiệp là hết sức cần thiết.

### **2. Tích chất, mục tiêu của đồ án quy hoạch:**

Là nơi tập trung các công trình hành chính, thương mại dịch vụ, ... của xã; khu vực có dân cư sinh sống với mật độ cao; là trung tâm đảm bảo các chỉ tiêu hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật trong tương lai.

Định hướng tổ chức sắp xếp không gian kiến trúc cảnh quan, chỉ tiêu sử dụng đất, các khu chức năng điểm dân cư khu trung tâm xã. Làm cơ sở bố trí hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội khu trung tâm xã, nhằm cụ thể hoá nội dung đồ án quy hoạch chung của xã đã được phê duyệt;

### **3. Giới hạn, phạm vi nghiên cứu:**

#### **3.1. Vị trí ranh giới:**

Quy hoạch chi tiết xây dựng tỉ lệ 1/500 trung tâm xã Long Hiệp bao gồm toàn bộ diện tích khu trung tâm xã và khu dân cư hiện hữu, được bố trí dọc theo trục đường chính là Đường tỉnh 911, thuộc địa bàn ấp Chợ, xã Long Hiệp, huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh. Tứ cận như sau:

- Phía Bắc: Giáp đất dân cư và đất nông nghiệp;
- Phía Nam: Giáp kênh Long Hiệp - Giồng Thìn;
- Phía Đông: Giáp kênh 3/2;
- Phía Tây: Giáp đất dân cư ấp Chợ và ấp Trà Sát A.

### **3.2. Quy mô, dân số:**

- Quy mô diện tích: Diện tích quy hoạch khu trung tâm xã là **25** ha thuộc địa bàn ấp Chợ;
- Dân số:
  - + Quy mô dân số hiện trạng trong khu vực quy hoạch: 910 người;
  - + Dự báo dân số đến năm 2030 tại trung tâm xã Long Hiệp là: 1.026 người.

### **4. Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật quy hoạch trung tâm xã:**

- Đất xây dựng công trình nhà ở  $\geq 25$  m<sup>2</sup>/người.
- Đất xây dựng công trình công cộng dịch vụ  $\geq 5$  m<sup>2</sup>/người.
- Đất cho giao thông hạ tầng kỹ thuật  $\geq 5$  m<sup>2</sup>/người.
- Cây xanh công cộng  $\geq 2$  m<sup>2</sup>/người.

### **5. Định hướng tổ chức không gian kiến trúc:**

#### **5.1. Khu hành chính tập trung, các công trình công cộng:**

- Toàn khu vực có diện tích sử dụng đất 32.077,9 m<sup>2</sup> (3,208 ha); Các công trình được xây dựng không tập trung, nằm xen trong khu dân cư thuộc địa bàn ấp Chợ có vị trí tiếp giáp với Đường tỉnh 911 và Đường huyện 36.

- Khu hành chính tập trung: Cơ bản giữ ổn định theo hiện trạng với tổng diện tích khu đất là 5.041 m<sup>2</sup>, bao gồm các công trình chính như sau: UBND xã, hội trường, Ban chỉ huy Quân sự xã, Trụ sở Công an.

- Trạm Y tế: Cơ bản giữ ổn định theo hiện trạng, công trình đã được đầu tư xây dựng kiên cố, trên diện tích khu đất: 1.735,8 m<sup>2</sup>.

- Trường tiểu học Long Hiệp A: Trường tiểu học Long Hiệp A cơ bản giữ ổn định theo hiện trạng với tổng diện tích khu đất 5.589 m<sup>2</sup>.

- Trường THCS Long Hiệp: Trường THCS Long Hiệp cơ bản giữ ổn định theo hiện trạng với tổng diện tích khu đất 8.171,7 m<sup>2</sup>.

- Trường THPT Long Hiệp: Trường THPT Long Hiệp cơ bản giữ ổn định theo hiện trạng với tổng diện tích khu đất 11.540,4 m<sup>2</sup>.

#### **5.2. Khu thương mại dịch vụ:**

- Chợ Long Hiệp được xây dựng kiên cố với tổng diện tích khu đất 7.719,5 m<sup>2</sup>, thuộc địa bàn ấp Chợ, tiếp giáp tuyến Đường tỉnh 911.

- Bru điện được xây dựng kiên cố với tổng diện tích khu đất 350 m<sup>2</sup>, thuộc địa bàn ấp Chợ, tiếp giáp tuyến Đường tỉnh 911.

- Hợp tác xã nông nghiệp được xây dựng kiên cố với tổng diện tích khu đất 365 m<sup>2</sup>, thuộc địa bàn ấp Chợ, tiếp giáp tuyến Đường nhựa N9.

### 5.3. Trung tâm văn hoá, thể thao cộng đồng:

- Khu công viên cây xanh: Được định hướng quy hoạch, đầu tư xây dựng nằm vị trí sân vận động cũ thuộc địa bàn ấp Chợ, nằm tiếp giáp Đường nhựa D1, với quy mô khoảng 5.633,5 m<sup>2</sup>.

- Sân vận động: dờ ngoài ranh quy hoạch nằm cặp trên tuyến Đường huyện 36, với quy mô  $\geq 10.000$  m<sup>2</sup>.

**5.4. Trạm xử lý nước thải:** Được định hướng quy hoạch, đầu tư xây dựng trên diện tích khu đất khoảng 1.000 m<sup>2</sup>, thuộc địa bàn ấp Chợ tiếp giáp tuyến Đường D7 (quy hoạch mở rộng); Việc định hướng quy hoạch trạm xử lý nước thải nhằm đảm bảo nước thải sinh hoạt được thu gom và xử lý đạt quy chuẩn hiện hành trước khi thải ra nguồn tiếp nhận, khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường, đồng thời nâng cao nhận thức người dân về bảo vệ môi trường.

### 5.5. Khu ở:

- Nhà ở khu vực trung tâm xã cơ bản giữ ổn định theo hiện trạng, chủ yếu tập trung dọc theo 2 bên Đường tỉnh 911 và Đường huyện 36;

- Với tổng diện tích đất ở là **125.041,1 m<sup>2</sup>** (12,504 ha):

+ Đất ở hiện trạng cải tạo: Gồm các lô đất ở hiện tại đã có nhà cửa xây dựng hiện hữu. Tổng diện tích: **45.500 m<sup>2</sup>** (4,55 ha);

+ Đất ở mới: Có tổng diện tích: **79.541,1 m<sup>2</sup>** (7,954 ha);

### 6. Quy hoạch sử dụng đất:

#### BẢNG CÂN BẰNG SỬ DỤNG ĐẤT ĐAI

STT	Loại đất	Hiện trạng		Quy hoạch		Chú thích
		Diện tích (m <sup>2</sup> )	Tỷ lệ (%)	Diện tích (m <sup>2</sup> )	Tỷ lệ (%)	
	<b>TỔNG DIỆN TÍCH</b>	<b>250.000</b>	<b>100</b>	<b>250.000</b>	<b>100</b>	
<b>1</b>	<b>Đất nông nghiệp</b>	<b>130.312</b>	<b>52,12</b>	-	-	
1.1	Đất sản xuất nông nghiệp	130.162	52,06	-	-	
1.1.1	Đất trồng lúa	81.148	32,46	-	-	

1.1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	8.008	3,20	-	-
1.1.3	Đất trồng cây lâu năm	41.007	16,40	-	-
1.2	Đất nuôi trồng thủy sản	150	0,06	-	-
<b>2</b>	<b>Đất phi nông nghiệp</b>	<b>119.688</b>	<b>47,87</b>	<b>250.000</b>	<b>100</b>
2.1	Đất ở	45.500	18,20	125.041	50,02
2.2	Đất chuyên dùng	5.704	2,29	10.982	4,40
2.2.1	<i>Đất xây dựng trụ sở cơ quan</i>	<i>5.041</i>	<i>2,02</i>	<i>5.041</i>	<i>2,02</i>
2.2.2	<i>Đất thương mại, dịch vụ</i>	<i>365</i>	<i>0,15</i>	<i>5.643</i>	<i>2,26</i>
2.2.3	<i>Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp</i>	<i>298</i>	<i>0,12</i>	<i>298</i>	<i>0,12</i>
2.3	Đất phát triển hạ tầng	68.484	27,38	113.977	45,58
2.3.1	<i>Đất giao thông</i>	<i>13.962</i>	<i>5,58</i>	<i>62.780</i>	<i>25,11</i>
2.3.2	<i>Đất công trình bưu chính viễn thông</i>	<i>350</i>	<i>0,14</i>	<i>350</i>	<i>0,14</i>
2.3.3	<i>Đất cơ sở y tế</i>	<i>1.736</i>	<i>0,69</i>	<i>1.736</i>	<i>0,69</i>
2.3.4	<i>Đất cơ sở giáo dục - đào tạo</i>	<i>25.301</i>	<i>10,12</i>	<i>25.301</i>	<i>10,12</i>
2.3.5	<i>Đất cơ sở thể dục-thể thao</i>	<i>5.720</i>	<i>2,29</i>	-	-
2.3.6	<i>Đất chợ</i>	<i>7.720</i>	<i>3,09</i>	<i>7.720</i>	<i>3,09</i>
2.3.7	<i>Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa</i>	<i>385</i>	<i>0,15</i>	<i>247</i>	<i>0,10</i>
2.3.8	<i>Đất sinh hoạt cộng đồng</i>	<i>301</i>	<i>0,12</i>	<i>5.935</i>	<i>2,37</i>
2.3.9	<i>Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối</i>	<i>13.009</i>	<i>5,20</i>	<i>9.909</i>	<i>3,96</i>

## **7. Quy hoạch hạ tầng kỹ thuật:**

### **7.1. Giao thông:**

\* Giao thông đối ngoại:

- Đường tỉnh 911 kết cấu mặt đường nhựa, lộ giới 29m; Mặt đường rộng 7m; nền đường rộng 9 m, vỉa hè hai bên, mỗi bên rộng 10m; Là đường giao thông liên khu vực; Có chỉ giới xây dựng (chỉ giới đường đỏ) là 14,5 m tính từ tim lộ;

- Đường huyện 36 kết cấu mặt đường nhựa, lộ giới 29m; Mặt đường rộng 7m; nền đường rộng 9 m, vỉa hè hai bên, mỗi bên rộng 10m; Là đường giao thông liên khu vực; Có chỉ giới xây dựng (chỉ giới đường đỏ) là 14,5 m tính từ tim lộ;

\* Giao thông đối nội:

Trong các khu dân cư kết cấu mặt đường nhựa, lộ giới 10,5 m; Nền đường rộng 5,5 m; Vĩa hè hai bên, mỗi bên rộng 2,5 m.

**BẢNG THỐNG KÊ GIAO THÔNG TRUNG TÂM XÃ**

STT	TÊN ĐƯỜNG	CHIỀU DÀI (m)	LỘ GIỚI (m)	QUY CÁCH (m)		
				VĨA HÈ	LÒNG	VĨA HÈ
1	ĐƯỜNG TỈNH 911	819	29	10	9	10
2	ĐƯỜNG HUYỆN 36	184,7	29	10	7	10
3	ĐƯỜNG N1	71	29	10	9	10
4	ĐƯỜNG N2	275,5	13,5	5,5	5,5	2,5
5	ĐƯỜNG N3	58,5	9	3	3	3
6	ĐƯỜNG N4	92,8	10,5	2,5	5,5	2,5
7	ĐƯỜNG N5	73,8	10,5	2,5	5,5	2,5
8	ĐƯỜNG N6	60,3	9	3	3	3
9	ĐƯỜNG N7	99,4	2	0	2	0
10	ĐƯỜNG N8	54,5	3	0	3	0
11	ĐƯỜNG N9	65	3	0	3	0
12	ĐƯỜNG N10	182,4	10,5	2,5	5,5	2,5
13	ĐƯỜNG N11	221,7	10,5	2,5	5,5	2,5
14	ĐƯỜNG N12	352,3	10,5	2,5	5,5	2,5
15	ĐƯỜNG N13	264,9	13,5	5,5	5,5	2,5
16	ĐƯỜNG D1	206,5	10,5	2,5	5,5	2,5
17	ĐƯỜNG D2	207	9	3	3	3
18	ĐƯỜNG D3	71,5	9	3	3	3
19	ĐƯỜNG D4	31	2	0	2	0
20	ĐƯỜNG D5	72,8	4	0	4	0
21	ĐƯỜNG D6	35	3	0	3	0
22	ĐƯỜNG D7	582,8	13,5	5,5	5,5	2,5
<b>TỔNG CỘNG:</b>		<b>4.082,4</b>				

**7.2. Chuẩn bị kỹ thuật đất xây dựng:**

- Tiến hành san lấp đối với công trình, dự án đầu tư xây dựng đảm bảo cao độ trung bình của xã Long Hiệp ( $\geq 2,3\text{m}$ ) và theo cao độ được xác định tại từng khu vực cụ thể.

- Phần lớn đất trong xã có cao trình phổ biến từ 0,4 đến 1,8m (chọn trung bình là 1,1 m), cao độ san lấp trung bình cho khu quy hoạch là:  $H_{sl} \geq 1,20\text{m}$ .

- Phương án thiết kế san nền:

+ Giải pháp san nền chủ yếu là tôn nền tối thiểu đạt cao độ xây dựng, để đảm bảo các công trình vượt lũ vào mùa mưa ở đồng bằng sông Cửu Long, cụ thể như sau:

+ Đối với các công trình đã xây dựng, tiến hành từng bước tôn nền đạt cao độ xây dựng ( $H_{xd} \geq 2,3\text{m}$ ).

+ Đối với các công trình xây dựng mới, tiến hành san lấp đến cao độ xây dựng chung ( $H_{xd} \geq 2,3\text{m}$ ).

### **7.3. Quy hoạch cấp nước:**

- Tính toán nhu cầu dùng nước: Nhu cầu dùng nước trong khu gồm nước sinh hoạt dân cư, nước cho công trình công cộng dịch vụ, nước cho các cơ sở tiểu thủ công nghiệp, nước cho tưới cây trong công trình và cây xanh công viên, nước cho dự phòng rò rỉ.

- Tổng nhu cầu cấp nước làm tròn:  $256 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$ ; Với công suất trạm cấp nước là  $350 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$  đã đáp ứng yêu cầu sinh hoạt khu vực trung tâm và cho toàn xã;

- Nguồn nước cấp: Khai thác nguồn nước lấy từ Trạm cấp nước xã Long Hiệp, các ống cấp nước đạt 100% đến khu vực;

- Đầu tư mở rộng mạng lưới cấp nước các tuyến đường được nâng cấp, mở rộng và quy hoạch mới;

### **7.4. Quy hoạch thoát nước thải và vệ sinh môi trường và trạm xử lý nước thải tập trung:**

\* Quy hoạch hệ thống thoát nước thải: Xây dựng hệ thống cống thoát nước mưa và nước thải riêng biệt để thoát nước triệt để. Tỷ lệ thu gom nước thải tối thiểu đạt 80% lượng nước cấp.

\* Giải pháp về thoát nước thải:

+ Nước thải tại các hộ dân và các công trình công cộng được xử lý qua hầm tự hoại 03 ngăn, sau đó thoát vào hệ thống cống của khu vực thoát ra đường cống thoát nước chung;

+ Nước thải từ cụm tiểu thủ công nghiệp phải được xử lý đúng quy định tại nơi sản xuất trước khi thải ra cống chung;

+ Đầu tư xây dựng hệ thống cống thoát nước dọc theo 2 bên Đường huyện

15, Đường tỉnh 911 và Đường N1; tổng chiều dài đường cống thoát nước thải BTCT D600 dự kiến: 3.439m;

\* Giải pháp về vệ sinh môi trường:

- Xã có tổ chức xe thu gom rác thải ở khu vực chợ và khu vực đông dân cư sinh sống. Rác thải sinh hoạt sẽ được thu gom mỗi ngày về điểm tập kết rác thải.

- Chất thải y tế nguy hại sẽ được xử lý tại lò đốt rác y tế đúng chuẩn được đầu tư cho trạm y tế trung tâm xã.

- Vệ sinh môi trường: chất thải rắn 0,8kg/người-ngày. Tỷ lệ thu gom:  $\geq 85\%$ .

\* Quy hoạch trạm xử lý nước thải tập trung:

- Theo quy định thì tất cả công trình thu gom, thoát nước thải khu dân cư phải tuân thủ theo đúng quy hoạch thoát nước thải tập trung. Xây dựng Trạm xử lý nước thải tập trung cho khu trung tâm xã Long Hiệp và thiết kế hệ thống đảm bảo công suất, xử lý lưu lượng nguồn nước thải, đồng thời ứng dụng giải pháp công nghệ nhằm xử lý nước thải đạt chuẩn trước khi đưa ra nguồn tiếp nhận.

#### **7.5. Quy hoạch cấp điện:**

Tổng nhu cầu khu trung tâm xã là 1.055 KVA. Chọn 02 máy biến áp có công suất 600 KVA cấp điện cho toàn bộ trung tâm xã Long Hiệp.

- Nguồn điện: sử dụng hệ thống lưới điện đạt chuẩn do Điện lực Trà Cú và Điện Nông thôn Trà Cú quản lý.

- Các tuyến trung thế xây dựng mới sử dụng cáp nhôm lõi thép đi trên trụ bê tông ly tâm cao 14 m, chôn sâu 1,8 m. Khoảng cách trung bình giữa 02 trụ trung thế khoảng 80m.

- Cấp điện áp của trạm hạ thế phân phối được lựa chọn là 22/0,4kV.

- Tuyến đèn đường đi chung với tuyến hạ thế. Đèn dùng loại cao áp Sodium 220 V, công suất từ 150 W – 250 W, được đặt cao cách mặt đường 7 m bố trí cho trung tâm xã.

#### **8. Đánh giá môi trường chiến lược:**

- Bảo vệ chất lượng nước mặt trên địa bàn khu quy hoạch và khu vực xung quanh. Bảo vệ môi trường không khí, cụ thể: Hàm lượng các chất độc hại trong không khí ở khu dân cư đạt QCVN 05: 2013/BTNMT.

- Giảm thiểu ô nhiễm do chất thải rắn, cụ thể: Tỷ lệ thu gom và xử lý chất thải rắn là 100%. Giảm thiểu ô nhiễm do nước thải sinh hoạt phát sinh, cụ thể: Tỷ lệ thu gom và xử lý nước thải là 100%.

- Tăng diện tích đất cây xanh và đáp ứng tiện nghi môi trường.



- Tỷ lệ dân số được cấp nước sạch là 100%.

**Điều 2.** Ủy ban nhân dân xã Long Hiệp có trách nhiệm:

- Hoàn chỉnh hồ sơ, tổ chức công bố, công khai quy hoạch cho tổ chức, cá nhân và toàn thể nhân dân trong xã biết để thực hiện.

- Cấm mốc giới xây dựng ngoài thực địa; xây dựng hoàn chỉnh quy chế quản lý theo quy hoạch trình UBND huyện ban hành, sau khi có sự thỏa thuận của các ngành chức năng huyện để làm cơ sở quản lý, cấp giấy phép xây dựng và thực hiện dự án đầu tư.

- Tổ chức tuyên truyền, phát động để nhân dân thông hiểu và hưởng ứng thực hiện quy hoạch, cải tạo chỉnh trang khu dân cư, xây dựng nếp sống văn minh văn hoá để đạt tiêu chí xã nông thôn mới.

- Hàng năm xây dựng kế hoạch thực hiện dự án đầu tư theo quy hoạch trình UBND huyện xem xét, quyết định.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân huyện, Hội đồng thẩm định quy hoạch xây dựng huyện Trà Cú, Trưởng phòng Kinh tế và Hạ tầng, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan và Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Long Hiệp chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Sở Xây dựng;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- TT.HU, HĐND huyện;
- CT, các PCT UBND huyện;
- LĐVP, NC;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Lê Thanh Bình**

UBND HUYỆN TRÀ CÚ  
HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH QH XD

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Số: 19/HĐQH-TĐQH  
Về việc thẩm định (lần 2) Đồ án quy  
hoạch chi tiết xây dựng TL1/500  
Trung tâm xã Long Hiệp, huyện Trà  
Cú, tỉnh Trà Vinh

Trà Cú, ngày 31 tháng 8 năm 2023

Kính gửi: - Ủy ban nhân dân xã Long Hiệp;  
- Trung tâm Quy hoạch và Giám định xây dựng thuộc Sở  
Xây dựng tỉnh Trà Vinh.

*Căn cứ Báo cáo kết quả thẩm định đồ án số 15/BC-HĐQH ngày 07/8/2023 của Hội đồng thẩm định quy hoạch xây dựng về quy hoạch chi tiết xây dựng TL1/500 Trung tâm xã Long Hiệp, huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh;*

Qua kiểm tra nội dung Đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng TL1/500 Trung tâm xã Long Hiệp, đơn vị tư vấn đã chỉnh sửa hoàn chỉnh theo kết quả thẩm định; Nay Hội đồng thẩm định quy hoạch xây dựng thông báo đến Ủy ban nhân dân xã Long Hiệp và Trung tâm Quy hoạch và Giám định xây dựng thuộc Sở Xây dựng tỉnh Trà Vinh biết, hoàn chỉnh hồ sơ gửi Ủy ban nhân dân huyện, trình Sở Xây dựng lấy ý kiến./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH



TRƯỞNG PHÒNG KINH TẾ  
VÀ HẠ TẦNG

Huỳnh Văn Danh